

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quốc Văn

Ông Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1999, có yêu cầu xin vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 10, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bi đơn*: Chi Võ Tuyệt K, sinh năm 2000, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp T, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tai đơn khởi kiện ngày 04/11/2021, anh Bùi Văn T trình bày:

Anh T và chị K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 27/02/2019. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Vì vậy, anh T yêu cầu được ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh T và chị K có 01 người con chung tên Bùi Võ Mỹ K, sinh ngày 09/11/2018. Hiện cháu đang sống với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dạy cháu K, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh T có đơn xin vắng mặt.

* Tại bản tự khai ngày 14/4/2022, chị Võ Tuyết K trình bày:

Chị K thống nhất ly hôn với anh T. Thống nhất để cho anh T nuôi dạy con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung là không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Anh T và chị K chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung là cháu K hiện anh T nuôi dạy nên cần giao cháu K cho anh T tiếp tục nuôi dạy, anh T không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Bùi Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Võ Tuyết K. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; chị K có địa chỉ tại ấp T, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị K nhưng chị K vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy,

Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 28/02/2022, anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Võ Tuyết K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 27/02/2019. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh T yêu cầu ly hôn với chị K. Xét thấy, yêu cầu của anh T là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị K vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Việc anh chị phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân là phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 14/4/2022, chị K cũng đồng ý ly hôn với anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho anh Bùi Văn T và chị Võ Tuyết K được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Bùi Võ Mỹ K, sinh ngày 09/11/2018 (giới tính nữ). Xét thấy, việc anh T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy cháu K là có căn cứ. Bởi vì, cháu Kim đang do anh T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 14/4/2022, chị K cũng thống nhất để cho anh T nuôi dạy cháu K. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu K cho anh T nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Anh T và chị K không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị K xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Anh Bùi Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Văn T và chị Võ Tuyết K.
2. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Võ Tuyết K được ly hôn.
3. Về con chung: Giao cháu Bùi Võ Mỹ K, sinh ngày 09/11/2018 (giới tính nữ) cho anh T tiếp tục nuôi dạy. Chị K không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị K không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Bùi Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 27 tháng 01 năm 2022 anh T có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014716 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị K vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Trí Phải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm